

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04/11/2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện
2. Bà Trần Ngọc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 334/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 và thông báo về việc mở lại phiên tòa số 79/TB-TA ngày 18/10/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà MTLH, sinh năm 1993; thường trú: D446 I khu phố BH, phường BN, thành phố TA, tỉnh BD, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông NHD, sinh năm 1990; thường trú: D446 I khu phố BH, phường BH, thành phố TA, tỉnh BD, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2021 và những lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà MTLH trình bày:

Bà MTLH và ông NHD tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Nhâm, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 05/2015 ngày 28/01/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông D thường xuyên bài bạc và bạo lực gia đình, không quan tâm chăm sóc gia đình. Nay bà MTLH xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu được ly hôn với ông NHD.

Về con chung: Có 02 con chung NMKN Ngọc, sinh ngày 05/7/2015 và NMKA, sinh ngày 22/11/2020. Theo đơn khởi kiện bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung NMKA, sinh ngày 22/11/2020, đồng ý giao con chung NMKN, sinh ngày 05/7/2015 cho ông D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, quá trình tố tụng bà H yêu cầu được nuôi 02 con chung NMKN, sinh ngày 05/7/2015 và NMKA, sinh ngày 22/11/2020, không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông NHD không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán, thư ký được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông NHD có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa chỉ D446 I khu phố Bình Hòa, phường Bình Nhâm, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; nợ chung. Như vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn- bà MTLH có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn – ông NHD đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà MTLH và ông NHD có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Nhâm, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương

theo giấy chứng nhận kết hôn số 05/2015 ngày 28/01/2015, do đó quan hệ hôn nhân của bà Hương và ông Dũng là hôn nhân hợp pháp.

Bà Hương khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông NHD với lý do: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, ông D thường xuyên bài bạc và bạo lực gia đình.

Quá trình tố tụng Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà H và ông D tại nơi cư trú, tuy nhiên địa phương không rõ, ông D không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia tố tụng xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng bà H và ông D vì bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống có nhiều mâu thuẫn. Từ khi bà H nộp đơn khởi kiện đến nay tình trạng hôn nhân của bà H và ông D vẫn không cải thiện, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau, đây là lần thứ 02 bà H nộp đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con nên có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà H và ông D không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của bà H và ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà H và ông D có 02 con chung tên NMKN, sinh ngày 05/7/2015 và NMKA, sinh ngày 22/11/2020. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung. Ông D không có văn bản trình bày ý kiến. Xét thấy, từ khi vợ chồng mâu thuẫn, bà H là người chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, có trách nhiệm với con chung nên con chung phát triển bình thường, khỏe mạnh, học hành đầy đủ, cháu KA hiện còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Do vậy, cần tiếp tục giao 02 con chung NMKN, sinh ngày 05/7/2015 và NMKA, sinh ngày 22/11/2020 cho bà H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung nên chấp nhận yêu cầu này của bà H. Bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà MTLH về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông NHD.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà MTLH được ly hôn với ông NHD.

- Về con chung: Giao 02 con chung NMKN, sinh ngày 05/7/2015 và NMKA, sinh ngày 22/11/2020 cho bà MTLH trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Ông NHD không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà MTLH phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0053854 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- THADS thành phố Thuận An;
- Dương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhâm